

Bản án số: 362/2024/HC-PT

Ngày: 28/6/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, UBND tỉnh L, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 870/2023/HC-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6434/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn V, Địa chỉ: Tổ E, phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai.(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Ngọc Mạnh L; địa chỉ: Tổ A phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt)

*** *Người bị kiện:***

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh L (viết tắt: UBND) Địa chỉ: Đại lộ T, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật cho UBND tỉnh L: Ông Trịnh Xuân T - Chủ tịch UBND tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H - Phó Chủ tịch UBND tỉnh L. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh L: Ông Phạm Bình M - Phó giám đốc sở TNMT tỉnh L. (có mặt)

2/ Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số I, đường X, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Ngọc L1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H1 - Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường. (có mặt)

3/ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số H, đường L, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Công P - Giám đốc Chi nhánh văn phòng Đ (viết tắt: CNVPĐKĐĐ). (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Trung tâm G1 (gọi tắt: Trung tâm cây giống)

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Bá T1 - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2: Phó giám đốc.

Địa chỉ: Số B, đường N, tổ C, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Công ty TNHH D (gọi tắt: Công ty D1).

Người đại diện theo pháp luật: Ông: Nguyễn Xuân C - Giám đốc Công ty D Địa chỉ: Số H, đường N, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chu H2: Phó ban thanh tra Sungroup vùng T. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/04/2023; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; ý kiến tại phiên đối thoại và tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện trình bày:**

Năm 2007 ông Nguyễn Văn V nhận chuyển nhượng của bà Phùng Thúy Q một thửa đất có diện tích 2.702,4 m² tại Tổ A, thị trấn S, huyện S (nay tổ D, phường P, thị xã S) sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp từ đó đến nay. Theo bản đồ địa chính năm 2018 (chỉnh lý ngày 03/8/2020) đất thuộc thửa số: 188, tờ bản đồ địa chính số: DC 69 quy chủ cho ông V (Nguồn gốc là đất của hộ bà Q khai phá, sử dụng từ khoảng năm 1980 sau đó bán cho ông V); Đến tháng 9/2020, ông V nộp hồ sơ đến U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) đối với thửa đất nêu trên. Ngày 18/9/2020 UBND phường P sau khi kiểm tra hồ sơ địa chính tại kho lưu trữ của phường đã cùng tổ dân phố số D và ông V tiến hành kiểm tra hiện trạng, nguồn gốc, ranh giới thửa đất đề nghị cấp GCNQSDĐ. Tại biên bản làm việc xác định; vị trí, ranh giới lô đất có mốc giới rõ ràng, các hộ liền kề xác định không có tranh chấp, diện tích là 2.702,4 m² là đất trồng cây lâu năm, chưa thông báo hay quyết định thu hồi, chưa cấp GCNQSDĐ cho gia đình, cá nhân, tổ chức nào. Ông V đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ trồng cây lâu năm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP(sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP) Chính phủ

Sau khi UBND phường P ra thông báo về kết thúc niêm yết công khai. Hộ ông V đề nghị đăng ký, cấp GCNQSDĐ - quyền sở hữu tài sản trên đất và chuyển hồ sơ lên CNVPĐKĐĐ thị xã S, Phòng T6 (viết tắt: TN&MT) thị xã S hoàn thiện hồ sơ trình UBND thị xã S cấp GCNQSDĐ đất cho hộ ông V. Ngày 16/7/2021 CNVPĐKĐĐ ban hành văn bản số 291/VPĐK-ĐKĐ trả lại hồ sơ cấp giấy; lý do diện tích 2.702,4 m² có: 516,4 m² đất nằm trong quy hoạch Quần thể du lịch khách sạn F; 2.055,7 m² đất đã có thông báo thu hồi đất nằm trong ranh giới của Trung tâm cây giống Lào Cai thu hồi, chuyển mục đích sử dụng cho Công ty D thuê nên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ; Theo thông báo số 39/TB-UBND ngày 12/3/2014 của UBND huyện S và quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm G1; phê duyệt cho Công ty D thuê, cấp GCNQSDĐ (giai đoạn 1); Nay ông V đề nghị: Đối với diện tích 516,4 m² nằm trong quy hoạch, nhưng ông V vẫn quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp và 2.055,7 m² nằm trong ranh giới của Trung tâm cây giống Lào Cai, đã giao cho Công ty D thuê theo Quyết định số: 724/QĐ-UBND của UBND tỉnh L là xác định sai người sử dụng đất; văn bản trả lời số 291/VPĐK là không đúng; dẫn đến thu hồi không chính xác. đất do ông nhận chuyển nhượng của bà Q sử dụng

ổn định từ năm 2007; ông sử dụng hợp pháp, có xác nhận UBND phường đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai 2013. CNVPĐKĐĐ trả lại hồ sơ cấp GCNQSDĐ là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai:

Hủy một phần thông báo số: 39/TB-UBND ngày 12/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi đất để thực hiện quy hoạch Quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn F, tại thị trấn S và xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Hủy một phần quyết định số: 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm G1; phê duyệt cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH D (giai đoạn 1) liên quan đất ông sử dụng.

Hủy văn bản số: 291/VPĐK-ĐKĐ về trả lại hồ sơ cấp giấy cho ông V; Buộc UBND thị xã S thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định.

Ngày 08/9/2023 Người đại diện người khởi kiện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy một phần thông báo số 39/TB-UBND ngày 12/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện S do thông báo không trực tiếp làm thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng đất của ông, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với đề nghị:

Hủy một phần quyết định số: 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm G1; phê duyệt cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH D (giai đoạn 1) liên quan đất ông sử dụng.

Hủy văn bản số: 291/VPĐK-ĐKĐ về trả lại hồ sơ cấp giấy cho ông V; Buộc UBND thị xã S thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định.

Theo văn bản ghi ý kiến, Người bị kiện UBND tỉnh L trình bày:

Việc thu hồi đất của Trung tâm G1; phê duyệt cho công ty D thuê đất giai đoạn 1.

Ngày 04/3/2014, Sở TN&MT phối hợp với Sở xây dựng, UBND huyện S, UBND thị trấn S (nay phường P), Trung tâm cây giống và Công ty D, tiến hành kiểm tra xác minh thực địa.

Ngày 13/3/2014 Sở TN&MT có Tờ trình số 108/TTr-STNMT về việc đề nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm cây giống Lào Cai; phê duyệt cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ-QSH nhà ở tài sản gắn liền với đất cho Công ty D thuê đất; Tờ trình nêu rõ: Tổng diện tích, vị trí xác định theo bản đồ đính kèm tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002 là 237.465,4m²; giảm

5.034,6m² so với Quyết định giao đất do trước đây chưa được đo đạc địa chính. Trong diện tích 237.456,4m² có 153.552m² đất của Trung tâm cây giống quản lý sử dụng trong ranh giới được giao đất không có tranh chấp (*chỉ có một số hộ gia đình, cá nhân có trồng hoa màu trên phần diện tích này*) đã trình UBND tỉnh thu hồi đất, chuyển mục đích cho thuê cấp giấy là: 153.552m²; phần diện tích còn lại 83.913,4m² giao UBND huyện S tiến hành thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định.

Ngày 18/3/2014, UBND tỉnh L đã phê duyệt thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm giống nông lâm nghiệp Lào Cai, phê duyệt cho thuê đất giai đoạn 1, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, cho Công ty TNHH D tại Quyết định số 724/QĐ-UBND, cấp Giấy CNQSD đất số BP810716, diện tích cho thuê, cấp Giấy chứng nhận giai đoạn 1 là 153.552,0m².

Đến đầu năm 2021 do khiếu kiện, Thanh tra tỉnh đã tiến hành thanh tra và có Kết luận số 06/KL-TT ngày 17/3/2021, kết quả thanh tra đột xuất công tác quản lý đất đai, công tác thống kê, thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng của Trung tâm cây giống Lào Cai; thanh tra hồ sơ thống kê, thu hồi, bồi thường của một số hộ dân khi thực hiện dự án khu du lịch cáp treo Fansipang, kết luận không công nhận đề nghị được bồi thường của các hộ dân tại vị trí đất của Trung tâm cây giống Lào Cai theo sơ đồ cho Công ty D thuê đất. Vì vậy, ông V khởi kiện hủy một phần Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014, về thu hồi đất của Trung tâm cây giống, đã chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty D thuê là không có cơ sở.

Người bị kiện UBND thị xã S trình bày;

Quá trình giải quyết đã kiểm tra xác định diện tích đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông V nằm trong ranh giới quy hoạch dự án Quần thể du lịch, dịch vụ cáp treo khách sạn F; Theo Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính phủ quy định “không cấp GCNQSDĐ-QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với “Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ-QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Căn cứ Thông báo số 91/TB-SXD ngày 07/6/2013 của Sở Xây dựng về việc thông báo, giới thiệu địa điểm quy hoạch chi tiết Công trình: Quần thể du lịch Văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí và khách sạn F; Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND tỉnh L về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công trình du lịch Fansipan Sa P1, sau khi được UBND tỉnh L ủy quyền thu hồi đất tại Văn bản số 2585/UBND-TNMT ngày 17/7/2013. Ngày

12/3/2014, UBND huyện ban hành Thông báo số 39/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện quy hoạch Công trình... khách sạn F1, với diện tích là 45ha. Khi rà soát, kiểm tra thấy đất của ông V đề nghị cấp giấy nằm trong diện tích được thu hồi của Trung tâm G1 nay đã giao cho Công ty D, thông báo thu hồi là đúng.

Chi nhánh văn Phòng đăng ký đất đai bản khai gửi đến trình bày; Ngày 28/5/2021 nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ 2702,4m² thửa 188; bản đồ DC69 tại Tổ 4 của hộ ông V; Ngày 18/6/2021 Chi nhánh Văn phòng ban hành văn bản 231/VPĐKĐĐ xác minh thông tin thửa đất. Ngày 12/7/2021 Văn phòng nhận được văn bản 279//TN&MT trả lời thông tin đất nằm trong quy hoạch Quần thể Fansipang đã thu hồi của Trung tâm cây giống; Ngày 16/7/2021 Chi nhánh VPĐ ban hành văn bản 291/VPĐK trả lại hồ sơ cho ông V là đúng quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm giống nông nghiệp Lào Cai (Trung tâm cây giống) trình bày:

Trại Thực nghiệm và sản xuất giống cây ăn quả S được UBND tỉnh L giao đất cho Trung tâm G1 (nay là Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh G1) kèm theo sơ đồ tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002 (tờ trình số 65/TN&MT ngày 25/3/2002 kèm theo sơ đồ) tổng diện tích được giao là 24,25ha thửa đất Xóm 4 (tức tổ 11B), thị trấn S, huyện S, để sử dụng vào mục đích nghiên cứu, sản xuất các giống cây ăn quả, hoa, dược liệu của tỉnh. Sau khi nhận bàn giao đất ngoài thực địa từ Ban Giải phóng mặt bằng dự án, Trung tâm cây G đã xây, chôn cọc Bê tông và dựng hàng rào thép gai để bảo vệ diện tích đất được giao, sử dụng ổn định, đúng mục đích từ năm 2002 đến nay (diện tích thu hồi theo thực tế sử dụng bên trong hàng rào thép gai được Trung tâm đo đạc của Sở TN&MT đo là 19,127ha); Đến năm 2014, UBND tỉnh L thu hồi tại Quyết định 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 là đúng vị trí sử dụng. Trong quá trình được giao đất thực hiện dự án từ 2002 đến 2014 và đến nay, Trung tâm cây Giống không có tranh chấp đất này với hộ ông V. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D (Công ty D) trình bày:

Ngày 18/3/2014 Công ty D được UBND tỉnh L phê duyệt thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm cây giống Lào Cai cho công ty D thuê và cấp GCNQSDĐ- quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 18/03/2014, GCNQSDĐ số BP810716 diện tích đất cho thuê đã sử dụng là 153.552,0m², còn lại chưa cấp giấy và chưa sử dụng; Từ khi

ký hợp đồng thuê đất và nhận đất từ Trung tâm cây giống, Công ty sử dụng đúng vị trí, mục đích đất giao theo quy định của pháp luật, không tranh chấp đất với ông V. Do vậy, đề nghị TAND tỉnh bác nội dung khởi kiện và giải quyết theo quy định (Công ty D không giao nộp chứng cứ gì bổ sung);

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu các bên giao nộp các tài liệu chứng cứ (Ngày 25/7/2023 ông V bổ sung nội dung khởi kiện đề nghị hủy văn bản số 291/VPĐK ngày 16/7/2021 của VPĐK-ĐKĐ về trả lại hồ sơ cấp giấy); Các bên đều thừa nhận diện tích, vị trí, ranh giới đất như biên bản xem xét thẩm định ngày 14/7/2023 của Tòa án diện tích là 2.641,9m² đất liên quan đến quyết định thu hồi ông V khởi kiện. Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tổ chức đối thoại nhưng không thành. Các bên đều giữ nguyên yêu cầu; Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 115; 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 28,37,40,41,42,44 và 50 Luật đất đai 2003 nay (Điều 53; Điều 67; 69; khoản 2 Điều 77 và Điều 101; 129 Luật đất đai năm 2013) và Điều 265, 222, 267 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V và ý kiến của người đại diện của người khởi kiện;

- Hủy một phần quyết định số: 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm G1; phê duyệt cho thuê đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH D (phần đất thu hồi liên quan diện tích 2.641,9m² nằm trong 83,913,4m² đất chưa giao, chưa sử dụng (trước là Trung tâm giống; nay là Công ty D thửa 268, tờ bản đồ PC1 bản đồ 2021; tức thửa 183 bản đồ DC69 bản đồ 2000); Địa chỉ, tại tổ D Phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai (như biên bản và sơ đồ thẩm định của Tòa án kèm theo bản án).

- Hủy văn bản số: 291/VPĐK-ĐKĐ ngày 16/7/2021; hành vi hành chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã S về trả lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông Nguyễn Văn V được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét thực hiện giải quyết thu hồi lại diện tích 2.641,9m² đất trong quy hoạch dự án ông đang quản lý, sử dụng theo quy định.

2. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện đã rút về việc: Huỷ một phần thông báo số 39/QĐ/UBND ngày 12/3/2014 của UBND huyện S (thị xã S) về thông báo thu hồi đất thực hiện quy hoạch Quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn F, tại thị trấn S và xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, người bị kiện có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án phúc thẩm.

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH D có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh L cho rằng trong quá trình lập hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P2 cán bộ địa chính khi tham mưu chưa thu thập các tài liệu liên quan đến hồ sơ địa chính, lồng ghép đối chiếu bản đồ địa chính các thời kỳ, đã lập hồ sơ và xác nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V là không đảm bảo đúng quy định, và cho rằng tòa án nhân tỉnh Lào Cai đã bỏ sót một số tài liệu hồ sơ thông tin có liên quan, không sử dụng các tài liệu theo điểm i khoản 2 điều 21 nghị định 34/NĐCP/ 2014 ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông V chỉ cung cấp giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ dựa vào giấy chuyển nhượng của bà Q cho ông V ghi ngày 16 tháng 04 năm 2007, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra không còn giấy tờ chứng minh theo quy định của luật đất đai. Qua tra cứu hồ sơ địa chính bản đồ địa chính các thời kỳ và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ không có tên bà, toàn bộ hồ sơ địa chính hiện đang được sử dụng có tính pháp lý cao nhất . Ông Nguyễn Văn V cung cấp giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 16 tháng 04 năm 2007 khi thửa đất đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác bỏ toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm số 20 ngày 9 tháng 9 năm 2023 của tòa án nhân tỉnh Lào Cai theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Công ty TNHH D đồng tình với quan điểm của Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh L và giữ nguyên toàn bộ nội dung đơn kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái T3 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh L, Công ty TNHH D, giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:-

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của Người bị kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH D được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về các văn bản có liên quan:

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh L có đơn kháng cáo (ngày 27/9/2023) đến ngày 12/01/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh L có đơn bổ sung.

- Về sự vắng mặt của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và đây là phiên tòa được mở lần thứ hai.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Bộ luật Tố tụng hành chính.

Lần thứ nhất ngày 16/4/2024 nhưng phải hoãn để các bên cung cấp thêm các tài liệu liên quan đến vụ án, ngày 10/5/2024 tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận được văn bản số 2323/UBND- TCD ngày 09/5/2024 bổ sung kháng cáo bản án sơ số 20/2023/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. thẩm Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bên đương sự đều không cung cấp tài liệu gì mới.

- Về thời hiệu khởi kiện đảm bảo thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính

- Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Xét kháng cáo của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và đánh giá như sau:

[2]. Theo các tài liệu tại hồ sơ vụ án, ngày 10/4/2007 ông V nhận chuyển nhượng đất của bà Phùng Thúy Q (bằng giấy viết tay) thửa đất có diện tích là 2.641,9m² ở xóm C, (tức Tổ 11 sau tách thành 11A, 11B thị trấn S, huyện S (nay tổ 4); nguồn gốc đất bà Q (anh Q1) đã khai phá sử dụng từ 1980 (trước ngày 15/10/1993 -1/7/2004) có tên trong sổ mục kê và trong sổ địa chính thị trấn năm 2000; Đến 2007 bán cho ông V đang sử dụng ổn định, có ranh giới bằng các cọc Bê tông và hàng rào B40 của Trung tâm giống rõ ràng, không có tranh chấp. Theo bản đồ địa chính năm 2018 (chỉnh lý ngày 03/8/2020) thửa đất 188 (tức thửa 183) bản đồ DC69 quy chủ cho ông V; Sổ mục kê lưu trữ có xác nhận của phòng TN&MT huyện S và xác nhận của UBND thị trấn S ngày 25/12/2000 là thửa số: 183, tờ bản đồ số: DC69 có 1.134,7m² là đất của hộ ông Lý A Q2 (con bà Q, nay của ông V B: 42a-42b,c,d). Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Q thừa nhận 2007 có chuyển nhượng 01 phần thửa đất cho ông V (trong đó có cả diện tích của anh Q2 là con trai bà đã kê khai, có số cây bà trồng vẫn còn trên đất như trong biên bản thẩm định); phiếu lấy ý kiến của những người cao tuổi khi người xin cấp đất lần đầu, theo Nghị định 43/CP do UBND phường và tổ dân phố tổ chức và những (hộ) người dân tổ A (tức Xóm 3 cũ) sống lâu năm cùng sử dụng đất liền kề bị nhà nước thu hồi nhưng đã nhận bồi thường như: hộ bà Phạm Thị N; bà Hà Thị M1; Trần Văn T4; ông T5. (BL 8, 9, 81, 82 -84, 249, 250...) đều thừa nhận ông V sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, liên tục từ 2007 và được cơ quan, doanh nghiệp có đất liền kề cùng xác nhận mốc giới, các bên vẫn tôn trọng, thực hiện đến nay là phù hợp quy định theo Điều 265, 266, 267 Bộ luật dân sự 2005 nay là Điều 175; 176 BLDS 2015, phù hợp “phần II trang 5,8 kết luận số 06/2021 ngày 17/3/2021 của Cơ quan Thanh tra tỉnh Lào Cai” và sơ đồ khi Tòa án xem xét thẩm định, đối chiếu lồng ghép lên các bản đồ. Do đó, ý kiến của người bị kiện cho rằng không có tài liệu nào để xác định đã quy chủ cho bà Q hay ông V, ông V không sử dụng ổn định liên tục đối với thửa đất ông đang khởi kiện là không chính xác.

[3] Căn cứ tờ trình và sơ đồ hiện trạng đất đính kèm Quyết định 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002 của UBND tỉnh L về việc giao đất cho Trung tâm cây giống; Ngày 07/6/2013 sở Xây dựng ban hành Thông báo số 91/TB-SXD thông báo, giới thiệu địa điểm quy hoạch chi tiết công trình “Quần thể du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí và khách sạn F, tại huyện S”. Ngày 17/7/2013, UBND tỉnh ban hành văn bản số 2585/UBND-TNMT về việc ủy quyền thu hồi đất; ngày 24/01/2014 UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND về

phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 quy hoạch Quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn F1, huyện S tại xã S, huyện S. Ngày 04/3/2014 Sở TN&MT phối hợp với Sở xây dựng, UBND huyện S, UBND thị trấn S, Trung tâm cây giống và Công ty D, tiến hành kiểm tra xác minh thực địa hiện trạng sử dụng đất; Ngày 13/3/2014 Sở TN&MT có Tờ trình số 108/TTr-STNMT đề nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm cây giống Lào Cai; phê duyệt cho Công ty D. thuê đất, cấp GCNQSDĐ cho thuê. Ngày 12/3/2014 UBND thị xã S ra thông báo thu hồi đất số 39/TB-UBND; ngày 13/3/2014 UBND thị trấn niêm yết thông báo thu hồi đất; ngày 18/3/2014 UBND tỉnh L ra quyết định số 724/QĐ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Trung tâm cây giống để thực hiện quy hoạch Quần thể du lịch Fansipan Sa P1, bằng hình thức thuê đất, cấp GCNQSDĐ-QSHTS trên đất (vị trí theo sơ đồ kèm quyết định 670 ở “xóm D” để thực hiện cho Công ty D thuê). Căn cứ tài liệu liên nêu trên, VPĐKĐĐ Sa Pa ban hành văn bản 291/VPĐK-ĐKĐ ngày 16/7/2021 trả lại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V.

[4].Diện tích đất thu hồi UBND tỉnh L và UBND huyện S xác định là của tổ chức, cơ quan (Trung tâm cây giống theo sơ đồ ngày 16/7/2021 QĐ 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002) tự nguyện giao đất khi bị thu hồi nên đã thực hiện đúng trình tự, thời gian thông báo thu hồi cho thuê để phát triển kinh tế xã hội lợi ích quốc gia công cộng theo quy định Điều 43,44 Luật đất đai 2003 (Điều 67; Điều 69 LĐĐ năm 2013). Tuy nhiên, qua các tài liệu người khởi kiện giao nộp cho thấy 2.641,9m² diện tích đất theo bản đồ kèm Quyết định 670 nêu trên là đất ông V nhận chuyển nhượng (của bà Q và anh Lý A Q2 tại tổ A tức Xóm C) và từ 2007 vẫn sử dụng ổn định, liên tục đến nay. Bà Q, anh Q2 và ông V đều không nhận được thông báo số 39/TB-UBND và tiền bồi thường theo quyết định 724/2014/QĐ-UBND. Do vậy, thu hồi đất là không đúng quy định, sai về thời hạn thông báo niêm yết và bồi thường theo quy định tại Điều 39,42,44,50 Luật đất đai 2003 nay là (Điều 53, 67, 69, 100,101 2013). Do đó, VPĐKĐĐ Sa Pa trả lại hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ là chưa đảm quyền lợi cho người sử dụng đất, chưa phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Quyết định 724/QĐ-UBND có nội dung: *Điều 1; Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng: 237.456,4m² đất nông nghiệp của Trung tâm cây giống Lào Cai tại tổ A, thị trấn S được giao tại sơ đồ kèm Quyết định số 670/QĐ-CT ngày 02/4/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh L, cho phép chuyển sang đất sản xuất kinh doanh Quần thể du lịch Fansipan Sa P1, huyện S theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt..., (1). “Vị trí, ranh giới thu hồi đất xác định theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất đính kèm theo quyết định”; (2). đất thuê đang quản lý, sử dụng đã cấp giấy là 153,522,0m²; đất giao không sử dụng để lấn chiếm là*

83,913,4m²; Điều 2: vị trí ranh giới cho thuê đất tổ A...thời hạn thuê đến 31/5/2063; Điều 3; “Giao cho Sở TN&MT..UBND huyện S có trách nhiệm giải phóng mặt bằng ..;chủ trì cùng Trung tâm cây giống thông báo công khai ranh giới, diện tích được giao....thực hiện thu hồi, bồi thường theo quy định”. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2023 của Tòa án thể hiện: diện tích đất ông V sử dụng là 2.641,9m² tại tổ A (tức xóm C nay tổ D) phường F, tiến hành lồng ghép lên các bản đồ ở các thời điểm giao đất thu hồi đất kết quả như sau:

- Lồng ghép lên bản đồ địa chính năm 2000 (được STN&MT nghiệm thu năm 2000) có: 312,1m² trong thửa số 125 là đất của thị trấn S; 270,8m² trong thửa 137 cùng tờ BĐ P7-28 quy chủ đất vườn Lâm trường Sa Pa; 921,1m² trong thửa 183, cùng bản đồ P7-28 đất vườn của Lý A Q2 (con bà Q); Còn lại 1.137,9m² là đất chưa được đo đạc (ông V đang quản lý, sử dụng).

- Lồng ghép thửa đất trên vào tọa độ sơ đồ theo quyết định thu hồi đất số 724/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND tỉnh L có 2.006,6m² nằm trong diện tích 83,913,4m² đất được giao của Trung tâm cây giống nhưng không sử dụng (bị lấn chiếm); còn 635,3m² đất không xác định được chủ sử dụng

- Lồng ghép lên bản đồ địa chính năm 2021 được Sở TN&MT nghiệm thu 2021 của phường F; thì toàn bộ 2.641,9m² nằm trong thửa đất số 268, tờ bản đồ PC1 đất: NHK, quy chủ cho UBND phường F chưa giao.Phía giáp Vườn Quốc gia được quản lý bằng hàng rào kiên cố cột sắt lưới B40, cao 2m; Phía giáp đất bà Q có rào bằng dây thép gai, cao khoảng 1,5m; Phía giáp đất Công ty D được rào kín bằng hàng rào kiên cố lưới thép B40, cột sắt, cao khoảng 2m; Sát chân hàng rào là các cọc bê tông (cột 12x12 nhô cao 50cm) chôn cách đoạn theo hàng rào, do Trung tâm cây giống chôn làm mốc giới (*Trung tâm cây G thừa nhận cột Bê tông chôn từ năm 2003; Hàng rào thép B40 do Công ty D làm và đều xác định rào làm hoàn thành khoảng năm 2018 -2020*); Phía cạnh Công ty T7 là nền đất phẳng đồ gạch vỡ của ông V giáp đường bê tông vào công ty T7; diện tích tranh chấp 2.641,9m² có các cây Cuốn sủi, cây thông, cây hạt dẻ ông đang quản lý, sử dụng..(như mô tả trong biên bản và sơ đồ thẩm định). Đại diện chính quyền địa phương và các ngành liên quan kiểm tra, xác minh cắm mốc giới, đơn vị chôn cọc Bê tông từ khi nhận đất và sử dụng ổn định, đúng mục đích, không tranh chấp cho đến nay. Tại bản khai, ý kiến trong biên bản thẩm định và đối thoại Trung tâm G1 và Công ty D đều thừa nhận hiện trạng khi được UBND tỉnh giao đất.

Người bị kiện UBND tỉnh cho rằng, đất giao cho Trung tâm cây giống năm 2002 theo tờ trình số 65/TN&MT ngày 26/3/2002 kèm sơ đồ theo quyết định 670 là 242,500,0m² đất của Lâm trường; Nhà nước đã thanh toán cho các hộ nhận giao khoán rừng theo quy định (diện tích đất ông V nằm trong 83.913,4m² của Trung

tâm cây giống được giao không sử dụng); Năm 2014 chuyển đất của Trung tâm cây giống cho Công ty D thuê thực hiện dự án. Xét thấy, tờ trình số 65/TN&MT ngày 26/3/2002 kèm theo sơ đồ của quyết định 670/2002 diện tích 245.500,0m² vị trí, ranh giới bản đồ là *thửa đất ở xóm D (bút lục 76,77) lúc đó; tức là tổ 5,7 và 8 thị trấn S*; Quyết định 724/2014 thu hồi đất giao cho Trung tâm cây giống tại quyết định 670 vị trí kèm theo sơ đồ tại tổ A (tức X thị trấn S lúc đó). Do vậy, có sự sai lệch, khác vị trí giữa hai sơ đồ nêu trong quyết định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã yêu cầu phía những người bị kiện cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc giải quyết bồi thường đối với vị trí đất ông V đang sử dụng bị thu hồi theo quyết định số 724/2014 nhưng người bị kiện không giao nộp (UBND thị xã S nộp được bản khai và phê duyệt quy hoạch). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận cọc Bê tông và hàng rào B40 do cơ quan nhận đất tự chôn làm mốc giới từ khi nhận đất năm 2002 - 2014 và đến nay. Tài liệu là Sổ mục kê của Phòng TN&MT và UBND thị trấn S xác nhận ngày 25/12/2000 là đất vườn của anh Q2 đối với phần diện tích đất bán cho ông V. UBND Phường F và phiếu lấy ý kiến nhân dân nơi có đất, sổ dữ liệu lưu trữ địa chính phường thể hiện xác định đất hộ ông V sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ (BL: 29; 30; 31 và 42a, b, c, d) theo quy định của pháp luật. Theo sơ đồ kèm quyết định 670/2002 sau là Quyết định 724/2014 và sơ đồ thẩm định thì diện tích 2.641,9m² của ông V không vào vị trí đất ở xóm D (T, 7, 8) mà Công ty D1 được cấp GCN đang sử dụng; Nhưng theo bản đồ kèm Quyết định 724/2014 lại vào vị trí tổ A (Tức X, tổ D hiện nay) là chiếm phủ sang cả 2.641,9m² đất ông V, vị trí nằm trong số 83.913,4m² đất của Trung tâm cây giống trước đây nay là Công ty D1 đều chưa sử dụng (chưa giao). Bởi tại xác nhận ngày 18/8/2023 và biên bản xác minh ngày 23/8/2023 của UBND phường F xác định hai vị trí địa giới này là khác nhau, (Tổ 11B tức xóm C trước đây, nay tổ 4 không nằm trong địa giới Xóm 4 vì 02 xóm cách nhau khoảng 2,5 đến 03km). Do vậy khi lồng ghép lên bản đồ địa chính theo Quyết định 724 thì có 2006,6m² đất của Trung tâm cây giống chưa sử dụng. Lồng ghép diện tích này lên bản đồ năm 2021 thì diện tích 2.641,9m² này là đất NHK trong thửa số 268, bản đồ PC1 của UBND phường F nhưng đều nằm trong diện tích thu hồi theo Quyết định 724 nay là của Công ty D1 chưa sử dụng; Tuy nhiên sổ mục kê năm 2000 do phòng TN&MT thị xã và UBND thị trấn lúc đó xác nhận ngày 25/12/2000 là đất của anh Q2 con bà Q; Biên bản kiểm tra, hiện trạng đất có sự tham gia của địa chính huyện, UBND phường P lại thừa nhận “UBND phường không được cơ quan, tổ chức nào giao quản lý sử dụng diện tích đất này”(BL29) Các văn bản liên quan có xác nhận của Phường đều xác định đất do ông V quản lý sử dụng liên tục từ 2007 đủ điều kiện cấp đất (BL:29;30;31 và 42a,b,c,d như nêu trên). Điều đó thể hiện rõ

2.641,9m² nằm trong 242,500,0m² giao cho Trung tâm cây giống năm 2002, không nằm trong 153,552,0m² của trung tâm giống quản lý sử dụng, nay đã được cấp GCNQSDĐ số BP810716 bàn giao theo Quyết định 724 cho Công ty D thuê, (BL 46,47,48;58); Phần diện tích ông V vị trí tại Tổ 11B nêu trên nằm trong 83.913,4m² thu hồi theo quyết định 724 (tại phiên tòa đại diện Công ty D1 cho rằng diện tích 83.913,4m² chưa được UBND tỉnh bàn giao, do tỉnh giao cho U1 mặt bằng) trong đó có 2.641,9 m² ông V sử dụng ổn định cùng các hộ có đất liền kề đã được bồi thường; nhưng danh sách bồi thường không có hộ ông V, bà Q (BL 8, 9, 81, 82-84, 249, 250..).

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện UBND tỉnh, người bảo vệ quyền lợi cho UBND tỉnh cho rằng, nguồn gốc đất không phải của bà Phùng Thúy Q, không đúng nguồn gốc là đất của hộ bà Q, đã khai phá, sử dụng từ khoảng năm 1980 nhưng cũng không cung cấp được bản đồ bản đồ địa chính khu vực trên trước khi UBND tỉnh L giao đất cho Trung tâm Giống Nông Lâm nghiệp kèm theo sơ đồ tại Quyết định số 670/QĐ-CT ngày và các tài liệu có liên quan khác. Trong khi đó theo bản đồ địa chính năm 2018 (chỉnh lý ngày 03/8/2020) đất thuộc thửa số: 188, tờ bản đồ địa chính số: DC69 có 1.134,7m² là đất của hộ ông Lý A Q2 là con bà Q, sổ mục kê được lập ngày 25/12/2000 (BL 41, 42a,42b,42c) phòng địa chính huyện S và UBND thị trấn S có tên chủ sử dụng đất ông Lý A Q2 sử dụng 1.134,7m² có bản đồ kèm theo. Như vậy có căn cứ diện tích đất trên có nguồn gốc là đất của hộ bà Q khai phá, sử dụng từ khoảng năm 1980 sau đó bán cho ông V. Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần quyết định 724/QĐ-UBND phần thu hồi đất của ông V không đúng để các bên yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét thực hiện, giải quyết lại theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Từ những phân tích trên Hội đồng xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 09/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí: Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D mỗi đương sự phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Xác nhận người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000371, 0000373 ngày 10/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THA dân sự tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng